EXIMLAND

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM
179EF Cách Mạng Tháng Tám, P.5, Q.3, TP.HCM
Số: 179/2015/CV_CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

Trụ sở chính: 179EF Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3, TP.HCM.

Điện thoại: (84-8) 6264 6726

Fax: (84-8) 6264 6724

Người thực hiện công bố thông tin: Ông LƯU ĐỨC TÂN

Điện thoại (di động): 0903955315

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2015 có soát xét ngày 31/08/2015 công ty Eximland

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 09 tháng 9 năm 2015

Người thực hiện công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM

LƯU ĐỨC TÂN

Nơi nhận:
- Như trên
- Ban TGĐ
- Lưu HCNS

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 37

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 10 năm 2007, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số	*Ngày cấp*
4103008092 - Điều chỉnh lần 1	Ngày 14 tháng 2 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 2	Ngày 30 tháng 5 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 3	Ngày 25 tháng 6 năm 2009
0305323291 - Điều chỉnh lần 4	Ngày 2 tháng 2 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 5	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 6	Ngày 14 tháng 10 năm 2011
0305323291 - Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 5 năm 2015

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản; dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản; lập dự án đầu tư; tư vấn đầu tư - đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); quản lý dự án; phá dỡ công trình; san lấp mặt bằng; thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hệ thống điện.

Công ty có trụ sở chính tại 179EF Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho tới ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Lý Văn Nghĩa	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Minh Nhựt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Phạm Văn Thiệt	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Ngô Văn Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho tới ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2014
Bà Võ Thị Kiều Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Lê Quốc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Quang Độ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho tới ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Lý Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Ngô Văn Hiếu	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Lưu Đức Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2010
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2015
Bà Trần Thụy Băng Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2010
Bà Dương Thị Thu Loan	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến	Kế toán Trưởng	Từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 22 tháng 4 năm 2015 là ông Ngô Văn Hiếu và từ ngày 22 tháng 4 năm 2015 cho tới ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là ông Lý Văn Nghĩa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 0305323291 CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM QUẬN 3 - TP HỒ CHÍ MINH

Lý Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2015

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 60970230/17920603/SX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim ("Công ty"), được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Đại	Nguyễn Quốc Tuấn
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-DN

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**258.414.981.907**	**858.584.965.544**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***70.215.149.129***	***94.022.633.593***
111	1. Tiền		3.964.315.796	3.991.966.927
112	2. Các khoản tương đương tiền		66.250.833.333	90.030.666.666
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***70.275.199.041***	***141.433.433.384***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	7.548.785.000	97.933.564.307
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	24.865.790.896	7.340.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	26.000.000.000	22.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	18.460.623.145	20.759.869.077
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
140	***III. Hàng tồn kho***	***9***	***117.833.945.413***	***608.943.914.390***
141	1. Hàng tồn kho		117.833.945.413	608.943.914.390
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***90.688.324***	***14.184.984.177***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		90.688.324	110.733.177
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	14.074.251.000
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**336.355.642.304**	**215.197.677.137**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***900.000.000***	***900.000.000***
216	1. Các khoản phải thu dài hạn khác		900.000.000	900.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***16.894.610.294***	***18.068.038.724***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	16.894.610.294	18.068.038.724
222	*Nguyên giá*		*22.516.706.913*	*23.310.255.695*
223	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(5.622.096.619)*	*(5.242.216.971)*
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	*Nguyên giá*		*72.000.000*	*72.000.000*
229	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(72.000.000)*	*(72.000.000)*
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***		***318.536.065.719***	***177.552.125.272***
251	1. Đầu tư vào công ty con	11.1	187.229.884.000	178.548.240.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	11.2	136.651.326.300	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	11.3	(5.345.144.581)	(996.114.728)
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***24.966.291***	***18.677.513.141***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		24.966.291	36.227.661
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	18.641.285.480
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**594.770.624.211**	**1.073.782.642.681**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B01a-DN
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**154.574.686.965**	**635.674.095.652**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***31.145.495.965***	***602.180.392.652***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		484.778.950	550.350.055
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		11.000.000	6.500.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.012.352.672	437.193.418
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	8.492.898.056	106.557.581.947
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	17.310.643.917	35.775.058.550
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	455.901.003.608
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		833.822.370	2.952.705.074
330	***II. Nợ dài hạn***		***123.429.191.000***	***33.493.703.000***
337	1. Phải trả dài hạn khác		567.135.000	631.647.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	122.862.056.000	32.862.056.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**440.195.937.246**	**438.108.547.029**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***16.1***	***440.195.937.246***	***438.108.547.029***
411	1. Vốn cổ phần	16.2	417.840.000.000	417.840.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		11.252.395.500	11.252.395.500
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.403.809.500	2.379.761.500
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.699.732.246	6.636.390.029
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**594.770.624.211**	**1.073.782.642.681**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đinh Thị Nhài	Bà Dương Thị Thu Loan	Ông Lý Văn Nghĩa
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ B02a-DN
cho kỳ kế toán sáu tháng kế thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**17**	**441.375.854.078**	**989.301.852**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**441.375.854.078**	**989.301.852**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**18**	**(423.539.307.891)**	**-**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**17.836.546.187**	**989.301.852**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**19**	**1.659.928.679**	**892.482.176**
22	**7. Chi phí tài chính**	**20**	**(6.526.729.852)**	**(700.167.072)**
25	**8. Chi phí bán hàng**	**21**	**(3.839.111.225)**	**(149.978.838)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**21**	**(6.596.125.357)**	**(4.907.878.931)**
30	**10. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**2.534.508.432**	**(3.876.240.813)**
31	11. Thu nhập khác		272.727.273	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	**13. Lợi nhuận khác**		**272.727.273**	-
50	**14. Tổng lãi/(lỗ) kế toán trước thuế**		**2.807.235.705**	**(3.876.240.813)**
51	**15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**23**	**(743.893.488)**	**-**
60	**16. Lãi/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**2.063.342.217**	**(3.876.240.813)**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đinh Thị Nhài	Bà Dương Thị Thu Loan	Ông Lý Văn Nghĩa
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0305323291 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN E XIM QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ B03a-DN
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		569.069.322.789	1.207.689.410
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(63.143.172.253)	(2.008.259.083)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.968.194.033)	(2.425.256.826)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2.167.699.999)	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	23	(291.346.964)	(6.090.028.545)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		33.827.976.227	81.168.163.735
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.144.190.746)	(82.540.790.107)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**510.182.695.021**	**(10.688.481.416)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(6.958.615.129)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		300.000.000	24.850.000.000
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.500.000.000)	(12.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay và bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.500.000.000	12.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(143.883.604.556)	(3.619.050.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.224.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.659.928.679	686.638.176
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư**		**(145.923.675.877)**	**16.182.973.047**

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		116.000.000.000	-
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(503.901.003.608)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(165.500.000)	(418.475.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(388.066.503.608)**	**(418.475.000)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(23.807.484.464)**	**5.076.016.631**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**94.022.633.593**	**19.570.905.964**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**5**	**70.215.149.129**	**24.646.922.595**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đinh Thị Nhài	Bà Dương Thị Thu Loan	Ông Lý Văn Nghĩa
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 10 năm 2007, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số	*Ngày cấp*
4103008092 - Điều chỉnh lần 1	Ngày 14 tháng 2 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 2	Ngày 30 tháng 5 năm 2008
4103008092 - Điều chỉnh lần 3	Ngày 25 tháng 6 năm 2009
0305323291 - Điều chỉnh lần 4	Ngày 2 tháng 2 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 5	Ngày 30 tháng 3 năm 2010
0305323291 - Điều chỉnh lần 6	Ngày 14 tháng 10 năm 2011
0305323291 - Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 5 năm 2015

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản; dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản; lập dự án đầu tư; tư vấn đầu tư - đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); quản lý dự án; phá dỡ công trình; san lấp mặt bằng; thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hệ thống điện.

Công ty có trụ sở chính tại 179EF Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 27 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 36 người).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có bốn (4) công ty con sau:

Tên công ty	*Giấy phép hoạt động*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tỷ lệ sở hữu bởi Công ty*
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp - Đô thị Hóc Môn	4103011598	Đầu tư, kinh doanh địa ốc, xây lắp	65,86%
Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim	0305349677	Đầu tư, kinh doanh địa ốc, xây lắp	67,83%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim	0311278495	Kinh doanh bất động sản	71,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất Động Sản Eximland	0313151430	Môi giới bất động sản	51,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có một (1) công ty liên kết sau:

Tên công ty	*Giấy phép hoạt động*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tỷ lệ sở hữu bởi Công ty*
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn	0301176800	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	30,80%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh 1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất này được phát hành độc lập với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng và công bố thông tin theo quy định.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định bằng chi phí mua cộng với các chi phí khác liên quan trực tiếp theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	16 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

3.9.1 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

3.9.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9.3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2014. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không có bất cứ nghĩa vụ nào khác.

3.12 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận doanh thu khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận vào doanh thu của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

3.15.1 Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.15.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

3.15.2 Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY TRONG KỲ

4.1 Góp vốn thành lập công ty Cổ phần dịch vụ bất động sản Eximland

Trong kỳ, Công ty đã góp vốn với tỷ lệ sở hữu 51% để thành lập công ty Cổ phần dịch vụ bất động sản Eximland, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313151430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 03 năm 2015. Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là: môi giới kinh doanh dịch vụ bất động sản. Công ty góp vốn thành lập công ty Cổ phần dịch vụ bất động sản Eximland với mục đích mở rộng mạng lưới kinh doanh bất động sản, thực hiện các dịch vụ phân phối sỉ các dự án Công ty đang thực hiện và các dự án của các công ty khác.

4.2 Mua cổ phần Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

Trong kỳ, Công ty đã đấu giá thành công 5.235.683 cổ phần tương ứng tỷ lệ 30,80% vốn cổ phần của công ty Cổ phần Phát Triển Nam Sài Gòn. Đây là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301176800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 06 năm 1994, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19 tháng 01 năm 2015. Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là kinh doanh bất động sản, phát triển kinh doanh nhà, xây dựng dân dụng. Công ty góp vốn liên kết với công ty Cổ phần Phát Triển Nam Sài Gòn trên cơ sở tìm hiểu về năng lực, hiệu quả kinh doanh và các dự án tiềm năng của Công ty Cổ phần phát triển Nam Sài Gòn, đồng thời, thực hiện chủ trương mở rộng liên doanh, liên kết với đối tác nhằm cộng hưởng thương hiệu của Công ty.

4.3 Mua thêm phần sở hữu vào Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim

Trong tháng 1 năm 2015, Công ty đã mua thêm 0,59% sở hữu trong Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim với tổng giá mua là 1.513.044.000 VNĐ, tăng phần sở hữu lên 67,83% tại thời điểm cuối kỳ 30 tháng 6 năm 2015.

4.4 Mua thêm phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư TIE - E xim

Trong tháng 1 năm 2015, Công ty đã mua đầu tư thêm cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư TIE - E Xim với tổng giá mua là 6.148.600.000 VNĐ theo tỷ lệ tương ứng với 71% vốn góp ban đầu, không làm thay đổi phần sở hữu tại thời điểm cuối kỳ 30 tháng 6 năm 2015. Công ty này là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 10 năm 2011.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Tiền		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.964.315.796	3.991.966.927
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	66.250.833.333	90.030.666.666
TỔNG CỘNG	**70.215.149.129**	**94.022.633.593**

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 4,30%/năm đến 4,4%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty Liên Lập	7.500.000.000	97.860.130.307
- Các khoản phải thu khách hàng khác	48.785.000	73.434.000
TỔNG CỘNG	**7.548.785.000**	**97.933.564.307**

6.2 Trả trước người bán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trả trước người bán		
- Nguyễn Văn Hùng	10.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường	7.625.790.896	-
- Công ty TNHH Lập Phúc	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty TNHH Thiết kế Xây Dựng Hy An	3.000.000.000	3.000.000.000
- Trả trước người bán khác	240.000.000	340.000.000
TỔNG CỘNG	**24.865.790.896**	**7.340.000.000**

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Cho vay ngắn hạn	26.000.000.000	22.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Công trình giao thông 584 (a)	*22.000.000.000*	*22.000.000.000*
- Công tyTNHH Lập Phúc (b)	*4.000.000.000*	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
	19.400.000.000	**15.400.000.000**

(a) Đây là khoản cho vay một doanh nghiệp đã bị quá hạn. Công ty đã ký hợp đồng mua 28 căn hộ chung cư của doanh nghiệp này để thực hiện cấn trừ nợ và ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp này để bán các căn hộ nói trên trong thời hạn 12 tháng đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tuy nhiên đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục nhận bàn giao các căn hộ trên và chưa tìm được khách hàng để chuyển nhượng lại các căn hộ nói trên. Công ty đang tiếp tục làm việc với doanh nghiệp này để xử lý thu hồi khoản cho vay này.

(b) Đây là khoản cho vay Công ty TNHH Lập Phúc với lãi suất 1%/tháng. Khoản cho vay này sẽ được thanh toán trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày cho vay.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Ngắn hạn		
Tạm ứng Cán bộ Công nhân viên	9.626.850.000	10.568.602.481
Phải thu từ thanh lý công ty liên kết	5.250.000.000	5.250.000.000
Đặt cọc thực hiện dự án	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu từ bán căn hộ	1.123.909.200	1.123.909.200
Tạm ứng thực hiện dự án	338.057.396	338.057.396
Ký quỹ ký cược	10.000.000	10.000.000
Cho vay vốn hoạt động	-	1.449.000.000
Phải thu khác	111.806.549	20.300.000
TỔNG CỘNG	**18.460.623.145**	**20.759.869.077**

9. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Dự án khu dân cư Exim Garden	117.833.945.413	117.826.690.405
Hàng hóa bất động sản	-	491.117.223.985
	117.833.945.413	**608.943.914.390**

10.TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015	13.380.541.459	509.090.909	9.420.623.327	23.310.255.695
Xóa sổ trong kỳ	-	-	(793.548.782)	(793.548.782)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	13.380.541.459	509.090.909	8.627.074.545	22.516.706.913
Giá trị hao mòn				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015	2.508.851.519	230.303.028	2.503.062.424	5.242.216.971
Khấu hao trong kỳ	418.141.921	36.363.636	718.922.873	1.173.428.430
Xóa sổ trong kỳ	-	-	(793.548.782)	(793.548.782)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	2.926.993.440	266.666.664	2.428.436.515	5.622.096.619
Giá trị còn lại				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015	10.871.689.940	278.787.881	6.917.560.903	18.068.038.724
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	10.453.548.019	242.424.245	6.198.638.030	16.894.610.294

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

11.1 Đầu tư vào các công ty con

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	
	Giá gốc VNĐ	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Giá gốc VNĐ*	*Tỷ lệ sở hữu %*
Công ty Cổ phần Địa ốc Sa Tra E Xim *(Thuyết minh 4)*	93.001.284.000	67,83	91.488.240.000	67,24
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc môn	61.500.000.000	65,86	61.500.000.000	65,86
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE - E Xim *(Thuyết minh 4)*	31.708.600.000	71,00	25.560.000.000	71,00
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất Động Sản Eximland *(Thuyết minh 4)*	1.020.000.000	51,00	-	-
TỔNG CỘNG	**187.229.884.000**		**178.548.240.000**	

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	
	Giá gốc VNĐ	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Giá gốc VNĐ*	*Tỷ lệ sở hữu %*
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn *(Thuyết minh 4)*	136.651.326.300	30,80	-	-
TỔNG CỘNG	**136.651.326.300**		**-**	

Khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được đem đi thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín *(Thuyết minh 15).*

11.3 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

VNĐ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Công ty CP Đầu Tư Tie - Exim	296.399.786	296.399.786
Công ty CP Đầu Tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn	5.048.744.795	699.714.942
TỔNG CỘNG	**5.345.144.581**	**996.114.728**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Số phải nộp*	*Số đã nộp*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2015*
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*Thuyết minh 23*)	291.346.964	743.893.488	(291.346.964)	743.893.488
Thuế thu nhập cá nhân	145.846.454	501.269.356	(616.265.685)	30.850.125
Thuế giá trị gia tăng	-	18.513.479.902	(15.275.870.843)	3.237.609.059
TỔNG CỘNG	**437.193.418**	**19.758.642.746**	**(16.183.483.492)**	**4.012.352.672**

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí dự án	7.596.562.193	20.282.925.829
Chi phí môi giới	896.335.863	-
Lãi vay phải trả	-	86.264.656.118
Phải trả khác	-	10.000.000
TỔNG CỘNG	**8.492.898.056**	**106.557.581.947**

14. PHẢI TRẢ KHÁC

VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Phải trả ngắn hạn khác		
Tiền tạm giữ	6.846.226.000	6.846.226.000
Cổ tức phải trả	3.737.250.000	3.909.750.000
Phải trả tiền mua căn hộ	3.165.109.206	-
Mượn vốn hoạt động	3.000.000.000	25.000.000.000
Đặt cọc mua căn hộ	530.000.000	-
Bảo hiểm y tế, xã hội và kinh phí công đoàn	25.306.250	19.027.550
Phải trả khác	6.752.461	55.000
TỔNG CỘNG	**17.310.643.917**	**35.775.058.550**

Tiền tạm giữ tương ứng với 2% trên tổng số tiền bồi thường về đất thuộc dự án Khu nhà ở Exim Garden được Công ty tạm giữ để thực hiện và hoàn thành các thủ tục cần thiết nhằm đảm bảo nghĩa vụ nộp đủ thuế thu nhập cá nhân phát sinh từ thỏa thuận bồi thường này.

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng *(a)*	90.000.000.000	-
Vay từ đối tượng khác *(b)*	32.862.056.000	32.862.056.000
TỔNG CỘNG	**122.862.056.000**	**32.862.056.000**
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Vay dài hạn	*122.862.056.000*	*32.862.056.000*

(a) Đây là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín với lãi suất là 10%/năm, kỳ hạn vay 60 tháng và được đảm bảo bằng khoản đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh 11).*

(b) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có số dư nợ vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn (công ty con) là 32.862.056.000 VNĐ. Khoản vay này không chịu lãi, tín chấp và không có thời hạn thanh toán xác định.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

	Vốn góp	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	**417.840.000.000**	**11.252.395.500**	**2.379.761.500**	**6.636.390.029**	**438.108.547.029**
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.063.342.217	2.063.342.217
Tăng giảm khác	-	-	24.048.000	-	24.048.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	**417.840.000.000**	**11.252.395.500**	**2.403.809.500**	**8.699.732.246**	**440.195.937.246**

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

VNĐ

	Vốn góp	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	**417.840.000.000**	**12.061.151.000**	**1.049.474.000**	**21.846.118.018**	**452.796.743.018**
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(3.876.240.813)	(3.876.240.813)
Tăng giảm khác	-	(1.151.060.500)	1.151.060.500	-	-
Sử dụng trong kỳ	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	**417.840.000.000**	**10.910.090.500**	**2.000.534.500**	**17.969.877.205**	**448.720.502.205**

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*		
	Số cổ phần	*Giá trị*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Số cổ phần*	*Giá trị*	*Tỷ lệ sở hữu*
Ông Nguyễn Hữu Thành	4.740.000	47.400.000.000	11,34%	4.740.000	47.400.000.000	11,34%
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	4.500.000	45.000.000.000	10,77%	4.500.000	45.000.000.000	10,77%
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	2.700.000	27.000.000.000	6,46%	2.700.000	27.000.000.000	6,46%
Bà Phạm Mỹ Linh	2.759.000	27.590.000.000	6,60%	-	-	-
Cổ đông khác	27.085.000	270.850.000.000	64,83%	29.844.000	298.440.000.000	71,43%
TỔNG CỘNG	**41.784.000**	**417.840.000.000**	**100,00**	**41.784.000**	**417.840.000.000**	**100,00**

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.3 Cổ phiếu

VNĐ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2015		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	
	Số lượng	*Giá trị*	*Số lượng*	*Giá trị*
Cổ phiếu được phép phát hành	45.344.000	453.440.000.000	45.344.000	453.440.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	41.784.000	417.840.000.000	41.784.000	417.840.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*41.784.000*	*417.840.000.000*	*41.784.000*	*417.840.000.000*
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	41.784.000	417.840.000.000	41.784.000	417.840.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*41.784.000*	*417.840.000.000*	*41.784.000*	*417.840.000.000*

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014*
Tổng doanh thu	**441.375.854.078**	***989.301.852***
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*423.360.190.098*	*-*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*18.015.663.980*	*989.301.852*
Doanh thu thuần	**441.375.854.078**	**989.301.852**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*441.285.616.078*	*989.301.852*
Doanh thu đối với bên liên quan	*90.238.000*	*-*

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014*
Giá vốn của hàng hóa đã bán	**423.539.307.891**	**-**

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014*
Lãi tiền gửi	1.659.928.679	502.193.732
Lãi từ chuyển nhượng đầu tư	-	205.844.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	153.000.000
Lãi cho vay	-	31.444.444
TỔNG CỘNG	**1.659.928.679**	**892.482.176**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014*
Chi phí lãi vay	2.177.699.999	-
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	4.349.029.853	699.714.942
Chi phí tài chính khác	-	452.130
TỔNG CỘNG	**6.526.729.852**	**700.167.072**

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VNĐ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014*
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	**3.839.111.225**	**149.978.838**
- *Chi phí môi giới*	*3.732.583.045*	*-*
- *Chi phí nhân công*	*98.737.001*	*144.755.365*
- *Chi phí bán hàng khác*	*7.791.179*	*5.223.473*
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	**6.596.125.357**	**4.907.878.931**
- *Chi phí nhân công*	*2.752.004.749*	*2.482.063.861*
- *Chi phí khấu hao*	*1.173.428.430*	*673.583.267*
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp khác*	*2.670.692.178*	*1.752.231.803*
TỔNG CỘNG	**10.435.236.582**	**5.057.857.769**

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.747.047.276	1.384.978.021
Chi phí nhân công	2.850.741.750	2.626.819.226
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	1.173.428.430	673.583.267
Chi phí khác	664.019.126	372.477.255
TỔNG CỘNG	**10.435.236.582**	**5.057.857.769**

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất là 22% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau.

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

6VNĐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014*
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	**2.807.235.705**	**(3.876.240.813)**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán		
Chi phí không có chứng từ hợp lệ theo quy định	305.630.002	-
Chi phí khấu hao vượt mức quy định	268.468.332	-
Chi phí lãi vay không được trừ	-	25.118.334
Thu nhập từ hoạt động không chịu thuế	-	(153.000.000)
Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) ước tính trong kỳ hiện hành	**3.381.334.039**	**(4.004.122.479)**
Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ	**743.893.488**	**-**
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	291.346.964	6.078.893.527
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(291.346.964)	(6.090.028.545)
Thuế TNDN phải trả /(trả trước) cuối kỳ	**743.893.488**	**(11.135.018)**

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ.

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

VNĐ

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Đầu tư Tie – E Xim	Công ty con	Thanh toán tiền điện và thuê văn phòng	90.238.000
		Góp vốn thêm	6.148.600.000
		Cho Eximland vay	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn (Sadeco)	Công ty liên kết	Eximland đầu tư vào công ty Sadeco	136.651.326.300
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất Động Sản Exim	Công ty Con	Nhận tiền đặt cọc mua căn hộ chung cư Bộ Công An	4.730.000.000
		Góp vốn	1.020.000.000
		Phí dịch vụ	(3.732.583.045)

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

VNĐ

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số tiền*
Công ty Cổ phần Đầu tư Tie - E Xim	Công ty con	Cho vay Eximland	3.000.000.000
		Đặt cọc thuê văn phòng	(15.850.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp - Đô thị Hóc Môn	Công ty con	Cho vay Eximland	32.862.056.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất Động Sản Exim	Công ty Con	Nhận tiền đặt cọc mua căn hộ chung cư Bộ Công An	4.730.000.000
		Đặt cọc mua căn hộ	530.000.000

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Ngày 30 tháng 6 năm 2014*
Đến 1 năm	1.860.000.000	1.680.000.000
Trên 1 - 5 năm	7.440.000.000	6.720.000.000
Trên 5 năm	15.500.000.000	15.680.000.000
TỔNG CỘNG	**24.800.000.000**	**24.080.000.000**

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	*Ngày 30 tháng 6 năm 2014*
Đến 1 năm	1.880.506.376	1.949.913.000
Trên 1 - 5 năm	1.205.183.156	1.404.996.000
TỔNG CỘNG	**3.085.689.532**	**3.354.909.000**

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá cả hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay với lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Chi phí lãi vay của Công ty phát sinh từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đều được vốn hóa trong năm nên ảnh hưởng của rủi ro do thay đổi lãi suất lên kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái.

Công ty không chịu rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro giá cả hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh 5*.

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

	Bất kỳ thời điểm nào	*Dưới 1 năm*	*Từ 1 đến 5 năm*	*Tổng cộng*
Ngày 30 tháng 6 năm 2015				
Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn	-	-	122.862.056.000	122.862.056.000
Phải trả người bán	484.778.950	-	-	484.778.950
Chi phí phải trả		-	8.492.898.056	8.492.898.056
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.310.643.917	-	567.135.000	17.877.778.917
	17.795.422.867	**-**	**131.922.089.056**	**149.717.511.923**
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Vay nợ ngắn hạn và dài hạn	-	455.901.003.608	32.862.056.000	488.763.059.608
Phải trả người bán	550.350.055	-	-	550.350.055
Chi phí phải trả	-	-	106.557.581.947	106.557.581.947
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.775.058.550	-	631.647.000	36.406.705.550
	36.325.408.605	**455.901.003.608**	**140.051.284.947**	**632.277.697.160**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng khoản đầu tư vào công ty liên kết làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*Thuyết minh 11)*.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

27. TRÌNH BÀY THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và các khoản phải trả.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

27. TRÌNH BÀY THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:

VNĐ

	Giá trị ghi sổ			
	Cho vay và phải thu	*Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ*	*Tổng giá trị ghi sổ*	*Giá trị hợp lý*
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	7.548.785.000	-	7.548.785.000	7.548.785.000
Trả trước người bán	24.865.790.896	-	24.865.790.896	24.865.790.896
Phải thu khác	18.460.623.145	-	18.460.623.145	18.460.623.145
Phải thu cho vay ngắn hạn	19.400.000.000	-	19.400.000.000	19.400.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	70.215.149.129	70.215.149.129	70.215.149.129
TỔNG CỘNG	**70.275.199.041**	**70.215.149.129**	**140.490.348.170**	**140.490.348.170**
Nợ phải trả tài chính	**-**			
Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn	-	122.862.056.000	122.862.056.000	122.862.056.000
Phải trả người bán	-	484.778.950	484.778.950	484.778.950
Chi phí phải trả	-	8.492.898.056	8.492.898.056	8.492.898.056
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	17.310.643.917	17.310.643.917	17.310.643.917
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	567.135.000	567.135.000	567.135.000
TỔNG CỘNG	**-**	**149.717.511.923**	**149.717.511.923**	**149.717.511.923**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính trình bày nêu trên xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ vì các công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn là ngắn hạn, ngoại trừ giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ dài hạn được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có thông tin thị trường tin cậy và các quy định cụ thể về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

28. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài Chính. Chi tiết như sau:

	31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	*Phân loại lại*	*31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)*
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Đầu tư ngắn hạn	**15.400.000.000**	**(15.400.000.000)**	**-**
Đầu tư ngắn hạn	22.000.000.000	(22.000.000.000)	-
Dự phòng đầu tư ngắn hạn	(6.600.000.000)	6.600.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**115.454.830.903**	**25.978.602.481**	**141.433.433.384**
Phải thu ngắn hạn khác	-	22.000.000.000	22.000.000.000
Phải thu khác	10.181.266.596	10.578.602.481	20.759.869.077
Dự phòng nợ khó đòi	-	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	**24.763.586.658**	**(10.578.602.481)**	**14.184.984.177**
Tài sản ngắn hạn khác	10.578.602.481	(10.578.602.481)	-
Phải thu dài hạn	**-**	**900.000.000**	**900.000.000**
Phải thu dài hạn khác	-	900.000.000	900.000.000
Tài sản dài hạn	**19.577.513.141**	**(900.000.000)**	**18.677.513.141**
Tài sản dài hạn khác	19.541.285.480	(900.000.000)	18.641.285.480
Vay và nợ ngắn hạn	455.901.003.608	(455.901.003.608)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	455.901.003.608	455.901.003.608
Quỹ đầu tư và phát triển	7.283.323.500	3.969.072.000	11.252.395.500
Quỹ dự phòng tài chính	3.969.072.000	(3.969.072.000)	-

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty.

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đinh Thị Nhài	Bà Dương Thị Thu Loan	Ông Lý Văn Nghĩa
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2015